

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính 2009

---

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2010



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2009.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Bắc Việt, có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 03/NQ/BVS ngày 25 tháng 11 năm 2009 là : 70.000.000.000 VND. (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng).

**Danh sách cổ đông sáng lập**

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, trụ sở chính của tổ chức	Tỷ lệ
1	Trần Anh Vương	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	32%
2	Vũ Hữu Trí	P9 - TT144 Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	32%
3	Tạ Thu Hằng	Số 44 Nguyễn Viết Xuân, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	1,91%
4	Nguyễn Hữu Báo	Thôn Bình Trù, xã dương Quang, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	1,85%
5	Phạm Cương	Công ty Thương nghiệp tổng hợp Thái Bình	2,50%

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;  
(Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)./.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội  
Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648  
Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**Các Công ty con của Công ty gồm :**

- Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt  
Địa chỉ: Km7, quốc lộ 18, xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh  
Tel: (84 - 241) 3617 331 Fax: (84 - 241) 3617 332
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt  
Địa chỉ: thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình  
Tel: (84 - 36) 3759 392 Fax: (84 - 36) 3759 392
- Công ty Cổ phần Giao nhận vận chuyển Bắc Việt  
Địa chỉ: 109/53 đường Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội  
Tel: (84 - 4) 3655 7583 Fax: (84 - 4) 3655 7584
- Công ty TNHH một thành viên Nội thất Bắc Việt  
Địa chỉ: Lô 8+9 B1.5 Phan Đăng Lưu, Cẩm Lệ, Đà Nẵng  
Tel: (84 - 511) 3699 777 Fax: (84 - 511) 3699 599
- Công ty Cổ phần Kim Khí Bắc Việt  
Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt  
Địa chỉ: Km 7, Quốc lộ 18, xã Phương Liểu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Phạm Cương	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Bà Tạ Thu Hằng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó Giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103025395 thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 108.000.000.000 đồng.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**



**Trần Anh Vương**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010*





# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 04 62 670 491/492/493 Fax: 04 62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 114/BC - TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được lập ngày 25 tháng 02 năm 2010 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang số 02 đến trang số 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt.

### Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Chúng tôi xin lưu ý, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán là Báo cáo tài chính riêng của nhà đầu tư, do đó các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt năm tài chính 2009:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 09 bản bằng tiếng Việt và 04 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1107/KTV

202  
ÔNG  
NHỆ  
CÁNH  
VIỆT  
24



Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>76.194.676.253</b>	<b>79.326.217.131</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9.071.028.652</b>	<b>2.650.591.234</b>
1 Tiền	111	V.1.	9.071.028.652	2.650.591.234
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.825.408.682</b>	<b>56.393.886.303</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		23.771.451.343	56.360.843.283
2 Trả trước cho người bán	132		3.373.821.349	44.142.441
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.062.180.334	171.308.036
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(382.044.344)	(182.407.457)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>27.570.818.903</b>	<b>18.555.287.493</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	27.570.818.903	18.555.287.493
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.727.420.016</b>	<b>1.726.452.101</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	340.000.000
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	320.278.823	641.214.781
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		11.407.141.193	745.237.320
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>100.618.145.068</b>	<b>39.701.512.743</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.312.429.060</b>	<b>4.616.527.855</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	3.183.096.787	4.585.243.578
- Nguyên giá	222		12.644.543.287	12.728.260.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.461.446.500)	(8.143.016.615)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	-	2.600.004
- Nguyên giá	228		36.900.000	36.900.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.900.000)	(34.299.996)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5.	129.332.273	28.684.273
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>97.305.716.008</b>	<b>35.067.567.852</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		86.571.259.008	32.893.341.397
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.674.457.000	492.457.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.6.	3.060.000.000	1.681.769.455
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>17.417.036</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	-	17.417.036
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>176.812.821.321</b>	<b>119.027.729.874</b>



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>97.385.597.548</b>	<b>60.255.675.031</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>96.833.597.548</b>	<b>59.519.675.031</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	76.022.268.090	21.634.711.486
2 Phải trả người bán	312		11.484.826.462	31.941.733.470
3 Người mua trả tiền trước	313		6.100.398.358	4.045.419.980
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	2.980.381.337	1.858.330.386
5 Phải trả người lao động	315		169.542.054	-
6 Chi phí phải trả	316		63.330.990	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12.	12.850.257	39.479.709
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>552.000.000</b>	<b>736.000.000</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	552.000.000	736.000.000
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>79.427.223.773</b>	<b>58.772.054.843</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14.</b>	<b>78.834.170.777</b>	<b>57.972.054.843</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	56.971.910.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.123.370.800	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		121.420.690	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		800.000.000	800.000.000
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.789.379.287	200.144.843
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>593.052.996</b>	<b>800.000.000</b>
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		593.052.996	800.000.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>176.812.821.321</b>	<b>119.027.729.874</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2009

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Đơn vị tính: VND
				Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	310.089.039.878	253.330.750.158
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.16.	310.089.039.878	253.330.750.158
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	291.261.045.486	241.828.958.813
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.827.994.392	11.501.791.345
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	98.736.145	10.279.254.545
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	5.002.155.412	6.474.636.084
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.002.155.412	6.474.636.084
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.695.276.939	4.529.873.920
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3.229.298.186	10.776.535.886
11 Thu nhập khác	31		1.495.271.201	219.047.619
12 Chi phí khác	32		108.571.705	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.386.699.496	219.047.619
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.615.997.682	10.995.583.505
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	1.026.763.238	375.363.381
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.589.234.444	10.620.220.124
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	599	2.309

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		315.480.785.578	238.180.544.869
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(322.665.594.962)	(172.849.259.586)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(2.186.951.496)	(938.122.131)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(4.938.824.422)	(6.474.636.084)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(192.747.586)	(2.947.270.521)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		5.992.191.703	26.422.137.136
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(19.818.493.470)	(1.535.136.606)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(28.329.634.655)</b>	<b>79.858.257.077</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(100.648.000)	(1.128.497.619)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		123.809.524	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.735.843.000)	(1.681.742.273)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		98.736.145	10.279.254.545
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(36.604.945.331)</b>	<b>7.469.014.653</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17.151.460.800	10.178.890.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		207.955.170.921	55.431.863.671
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(153.751.614.317)	(134.908.225.791)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(26.763.294)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(15.352.445.082)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>71.355.017.404</b>	<b>(84.676.680.496)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>6.420.437.418</b>	<b>2.650.591.234</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.650.591.234	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>9.071.028.652</b>	<b>2.650.591.234</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng

Trần Anh Vương



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 03/NQ/BVS ngày 25 tháng 11 năm 2009 là : 70.000.000.000 VND. (Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và sản xuất kết cấu thép.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ nghệ;
  - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
  - Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt, Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
  - Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cấu trúc các thiết bị nâng hạ và động cơ;
  - Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
  - Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
  - Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
  - Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuế hải quan, bưu chính chuyển phát;
  - Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động
  - Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuế hải quan, bưu chính chuyển phát;
  - Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính);
  - Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

Văn phòng giao dịch: Số 59 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Misa. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### 3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009  
(tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Nhà cửa vật kiến trúc	6
Máy móc, thiết bị	5 - 6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

### 3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phần mềm trên máy vi tính	4

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2009**

**(tiếp theo)**

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Trong kỳ đơn vị tăng vốn từ 68.000.000.000 đồng lên 70.000.000.000 đồng theo theo Nghị quyết của Hội đồng cổ đông số 03/NQ/BVS ngày 25 tháng 11 năm 2009. Tuy nhiên, Công ty chưa đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gỗ, kết cấu thép, doanh thu gia công kết cấu thép, cắt thép và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thực chi.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**11.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**11.3 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với sản phẩm thép và gia công thép, 10% đối với hoạt động lắp đặt và các mặt hàng khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 03/01/2009 của Bộ Tài chính.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**11.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	126.737.110	1.588.782.545
Tiền gửi ngân hàng	8.944.291.542	1.061.808.689
Tiền VND	6.490.357.721	1.030.451.326
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	7.885.145	99.498.078
- Ngân hàng Phát triển Nhà TP HCM	-	1.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.011.755	1.121.865
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	5.914.404
- Ngân hàng NN&PT Nông thôn	2.063.849.170	888.744.656
- Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	4.402.696.426	3.079.926
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	1.000.000
- Ngân hàng Techcombank-CN Thăng Long	150.531	25.207.279
- Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	-	1.030.992
- Ngân hàng CPTM Quốc tế - CN Hai Bà Trưng	-	3.854.126
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt	11.829.694	-
- Ngân hàng Indovina -CN Mỹ Đình	1.935.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	1.000.000	-
Tiền ngoại tệ	2.453.933.821	31.357.363
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam -CN Hà Nội	13.614.348	17.334.286
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	1.596.870	1.595.257



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3655 9257 Fax: (84 - 4) 3873 3648

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính 2009

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2009		1.996.114.081	5.260.359.993	5.031.020.462	440.765.657	12.728.260.193	
Mua trong năm		-	-	-	126.724.999	126.724.999	
Tặng khác		-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán		-	(71.428.571)	(139.013.334)	-	(210.441.905)	
Giảm khác		-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2009		1.996.114.081	5.188.931.422	4.892.007.128	567.490.656	12.644.543.287	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2009		1.432.869.142	3.792.778.494	2.603.154.756	314.214.223	8.143.016.615	
Khấu hao trong năm		300.352.786	398.692.547	645.036.006	76.218.746	1.420.300.085	
Tặng khác		-	-	-	-	-	
Thanh lý nhượng bán		-	(69.047.608)	(32.822.592)	-	(101.870.200)	
Giảm khác		-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2009		1.733.221.928	4.122.423.433	3.215.368.170	390.432.969	9.461.446.500	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2009		563.244.939	1.467.581.499	2.427.865.706	126.551.434	4.585.243.578	
Tại ngày 31/12/2009		262.892.153	1.066.507.989	1.676.638.958	177.057.687	3.183.096.787	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.160.141.773 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2009

**8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán Misa	Phần mềm quản lý Easy Biz	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2009	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Mua trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2009	7.800.008	26.499.988	34.299.996
Khấu hao trong năm	2.599.992	12	2.600.004
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	10.400.000	26.500.000	36.900.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2009	2.599.992	12	2.600.004
Tại ngày 31/12/2009	-	-	-

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	-	17.417.036
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>17.417.036</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	30.615.911.375	10.950.000.000
Ngân hàng NN&PTNT nam Hà Nội	26.720.399.555	6.700.000.000
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	13.676.997.910	-
Trần Anh Vương	-	1.200.000.000
Anh Phương	-	2.130.000.000
Tạ Thu Hằng	4.043.143.336	-
Các đối tượng khác	965.815.914	654.711.486
<b>Cộng</b>	<b>76.022.268.090</b>	<b>21.634.711.486</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT đầu ra	1.063.239.886	1.672.682.804



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009  
 (tiếp theo)

Thuế GTGT hàng nhập khẩu	877.429.722	-		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-		
Thuế xuất nhập khẩu	-	-		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.011.203.126	177.187.474		
Thuế thu nhập cá nhân	28.508.603	8.460.108		
<b>Cộng</b>	<b>2.980.381.337</b>	<b>1.858.330.386</b>		
<b>12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>		
	<b>VND</b>	<b>VND</b>		
Kinh phí công đoàn	12.850.257	39.479.709		
<b>Cộng</b>	<b>12.850.257</b>	<b>39.479.709</b>		
<b>13. Vay và nợ dài hạn</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>		
	<b>VND</b>	<b>VND</b>		
Ngân hàng TMCP Quân Đội	552.000.000	736.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>552.000.000</b>	<b>736.000.000</b>		
<b>14. Vốn chủ sở hữu</b>				
<b>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>		Đơn vị tính: VND		
	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư tại ngày 01/07/08	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	56.971.910.000	-	-	56.971.910.000,00
Lãi trong năm trước	-	-	10.620.220.124	10.620.220.124
Tăng khác	-	-	7.335.389.801	7.335.389.801
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	17.755.465.082	17.755.465.082
Số dư tại ngày 31/12/08	56.971.910.000	-	200.144.843	57.172.054.843
Tăng vốn trong năm nay	13.028.090.000	4.123.370.800	-	17.151.460.800
Lãi trong năm nay	-	-	3.589.234.444	3.589.234.444
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/09	70.000.000.000	4.123.370.800	3.789.379.287	77.912.750.087
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>			<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trần Anh Vương			21.730.000.000	21.730.000.000

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

Vũ Hữu Trí	21.730.000.000	21.730.000.000
Tạ Thu Hằng	1.300.000.000	1.400.000.000
Nguyễn Hữu Bảo	1.335.600.000	1.335.600.000
Phạm Cường	1.972.000.000	1.972.000.000
Nguyễn Hồ Quảng	5.000.000.000	-
Đặng Đức Dũng	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	500.000.000	-
Các cổ đông khác	15.332.400.000	8.804.310.000
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>56.971.910.000</b>

## c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	56.971.910.000	-
Vốn góp tăng trong năm	13.028.090.000	56.971.910.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	70.000.000.000	56.971.910.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

## d) Cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.000.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	6.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	5.697.191
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	5.697.191
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

d) Các quỹ của công ty	01/01/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2009
Quỹ đầu tư phát triển	800.000.000	-	-	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>800.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	310.089.039.878	253.330.750.158
<b>Cộng</b>	<b>310.089.039.878</b>	<b>253.330.750.158</b>
16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	310.089.039.878	253.330.750.158
<b>Cộng</b>	<b>310.089.039.878</b>	<b>253.330.750.158</b>
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm đã bán	291.261.045.486	241.828.958.813
<b>Cộng</b>	<b>291.261.045.486</b>	<b>241.828.958.813</b>
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.736.145	279.254.545
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>98.736.145</b>	<b>10.279.254.545</b>
19. Chi phí tài chính	Năm 2009	Từ 01/07/2008
	VND	đến 31/12/2008 VND
Lãi tiền vay	5.002.155.412	6.474.636.084
<b>Cộng</b>	<b>5.002.155.412</b>	<b>6.474.636.084</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008	
	Năm 2009 VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	311.683.047.224	263.829.052.322
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	305.815.828.722	252.488.468.817
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.867.218.502	1.340.583.505
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm	1.466.804.626	375.363.381
Điều chỉnh chi phí thuế TDND năm nay theo các quy định hiện hành (Điều chỉnh giảm theo TT03/2009....)	440.041.388	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.026.763.238	375.363.381

  

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008	
	Năm 2009 VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.589.234.444	10.620.220.124
định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.589.234.444	10.620.220.124
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.989.827	4.599.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	599	2.309

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

Doanh thu	Quan hệ với Công ty	Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008	
		Năm 2009 VND	VND
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên doanh	25.776.702.084	30.684.971.799
Bán hàng cho Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	Công ty con	83.986.364.257	17.235.536.174
Bán hàng cho Công ty CP Giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Công ty con	356.380.000	323.485.760
Bán hàng cho Công ty TNHH MTV Nội thất Bắc Việt	Công ty con	251.600.000	180.247.295
Bán hàng cho Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt	Công ty con	23.815.696.639	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Công ty liên kết	5.953.687.887	-



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

<i>Mua hàng</i>		<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND</b>
Mua hàng của Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt		Công ty con	8.037.413.647	14.397.951.523
Bán hàng cho Công ty CP Giao nhận vận chuyển Bắc Việt		Công ty con	971.561.255	296.754.850
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt		Công ty liên doanh	44.605.500.839	2.392.162.715
<i>Vay</i>		<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>Năm 2009 VND</b>	<b>Từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 VND</b>
	<b>Lãi suất (năm)</b>			
Trần Anh Vương	12%	Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm giám đốc	44.741.875	1.717.627.934
Tạ Thu Hằng	12%	Kế toán trưởng	4.138.143.336	-
<b>1.2 Số dư với các bên liên quan</b>		<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt		Công ty liên doanh	-	6.867.414.050
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt		Công ty con	-	17.249.140.105
Công ty CP Xây Dựng & PT Đô Thị Bắc Việt		Công ty con	2.367.816.682	-
<b>Các khoản phải trả</b>		<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
Công ty CP Giao Nhận Vận chuyển Bắc Việt		Công ty con	232.915.853	28.141.507
Công ty CP Thương Mại Bắc Việt		Công ty liên doanh	4.109.963.651	-
Công ty CP Công nghệ Bắc Việt		Công ty con	1.476.518.212	-
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt		Công ty con	3.717.277.536	-
<b>Các khoản vay</b>		<b>Quan hệ với Công ty</b>	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>01/01/2009 VND</b>
	<b>Lãi suất</b>			
Trần Anh Vương	12%/ năm	Chủ tịch hội đồng quản trị, kiêm giám đốc Công ty	-	1.200.000.000
Tạ Thu Hằng	12%/ năm	Kế toán trưởng	4.043.143.336	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2009**

*(tiếp theo)*

**2. Những thông tin khác**

**2.1 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/07/2008 đến 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thông**

**Tạ Thu Hằng**

**Trần Anh Vương**

